

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CHIẾU SÁNG CAO CẤP KINGLUX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CHIẾU SÁNG CAO CẤP KINGLUX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINGLUX SOLUTION LUXURY LIGHTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KINGLUX SOLUTION LUXURY LIGHTING .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110169778

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 16TM-3C-12 The Manor Central Park, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988 507 192

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 5. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động của các đấu giá viên)</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 6. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn quần áo và thiết bị bảo hộ lao động</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649 |
| 7. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 8. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 9. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659 |

|     |                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                   | 4663        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                         | 4669        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                              | 9521        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                       | 9522        |
| 14. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                     | 9524        |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                 | 7310        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                  | 7320        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất<br>- Thiết kế cơ - điện công trình          | 7410        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                         | 4690        |
| 19. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                         | 1621        |
| 20. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                   | 1622        |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                            | 2511        |
| 22. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                | 2512        |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                          | 2591        |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                              | 2592        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu                                                               | 2599        |
| 26. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                            | 2710        |
| 27. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                       | 2731        |
| 28. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                    | 2732        |
| 29. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                   | 2733        |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                         | 2740(Chính) |
| 31. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                 | 2750        |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                               | 2790        |
| 33. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                     | 2818        |
| 34. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                              | 2819        |
| 35. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                             | 2822        |
| 36. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                           | 4791        |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                            | 4933        |
| 38. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                               | 5210        |
| 39. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                          | 5224        |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129 |
| 42. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 43. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 44. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311 |
| 45. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 48. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 49. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 50. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 51. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 52. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 53. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 54. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 55. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 56. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 57. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Phá dỡ công trình xây dựng                                                                                                                          | 4311 |
| 58. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng công trình<br>(Loại trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)           | 4312 |
| 59. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 60. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 61. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG ĐẠT<br>PHONG | Số 14B Tổ 3 Cụm<br>4, Phường<br>Khương Đình,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 162.000       | 1.620.000.000            | 18,000       | 0380910049<br>16                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 162.000       | 1.620.000.000            | 18,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | KIỀU VĂN<br>ĐỒNG   | Đội 3, thôn Liên<br>Tân, Xã Phương<br>Trung, Huyện<br>Thanh Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 162.000       | 1.620.000.000            | 18,000       | 0350920049<br>26                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 162.000       | 1.620.000.000            | 18,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | ĐỖ MẠNH HÙNG  | Xóm Trong, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 324.000 | 3.240.000.000 | 36,000 | 001082001807 |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Tổng số                   | 324.000 | 3.240.000.000 | 36,000 |              |
|   |               |                                                                                       |                           |         |               |        |              |
| 4 | TÔ NGỌC THỊNH | Căn A2802, TTTM DVTH và NOCT, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 252.000 | 2.520.000.000 | 28,000 | 034085001329 |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                       | Tổng số                   | 252.000 | 2.520.000.000 | 28,000 |              |
|   |               |                                                                                       |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KIỀU VĂN ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035092004926

Ngày cấp: 26/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 3, thôn Liên Tân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 3, thôn Liên Tân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội